TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15-6-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hải.

2. Ông Lê Hồng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1995.

Địa chỉ cư trú: số B ấp R, phường K, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thiện Hữu S, sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: Ô 17/28 Ấp D, xã M, tỉnh Tây Ninh.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 7 năm 2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thiện Hữu S tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2020 ngày 06/7/2020. Trong thời gian chung sống vợ chồng

phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, đã ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thiện B, sinh ngày 10/01/2021. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thu D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Thiện Hữu S đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của bà D. Phiên tòa hôm nay, ông S cũng vắng mặt dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Thiện Hữu S vắng mặt không lý do đã được tiến hành các thủ tục niêm yết công khai theo đúng qui định. Bà D có đơn xin vắng mặt, xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó, phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo qui định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu D và ông Nguyễn Thiện Hữu S là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào năm 2020. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông S không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không hòa giải được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao con chung chưa thành niên Nguyễn Thiện B, sinh ngày 10/01/2021 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông S phải cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu D nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Thiện Hữu S có địa chỉ cư trú tại phường K, tỉnh Tây

Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tây Ninh.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông S đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông S không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông S là đúng theo quy định tại Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác định rõ yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt tất cả các được sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu D và ông Nguyễn Thiện Hữu S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố T, tỉnh Long An (nay là phường K, tỉnh Tây Ninh) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án cũng đã có xác minh về quan hệ tranh chấp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng của bà D và ông S tại UBND phường K, tỉnh Tây Ninh nơi bà D và ông S sinh sống sau khi kết hôn theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng địa phương không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu D và ông Nguyễn Thiện Hữu S. Bà D xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vả gay gắt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà D và ông S không có tiếng nói chung, không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S vắng mặt đã được đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình, chứng tỏ ông S đã cố tình vắng mặt. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà D và ông S đã không còn khả năng kéo dài được nữa, bà D đã cương quyết yêu cầu xin ly hôn, bản thân bà D xác định đã không còn tình cảm với ông S nên yêu cầu được chấm dứt hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: bà D và ông S có 01 con chung tên Nguyễn Thiện B, sinh ngày 10/01/2021. Bà D có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông S không có ý kiến gì về nguyện vọng được nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: tại đơn khởi kiện, bà D có yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngày 25/5/2026 bà D có thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng, chỉ yêu cầu cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Ông S

không đến Tòa án để trình bày ý kiến về nội dung bà D yêu cầu cấp dưỡng, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Xét thấy, ông S là người có việc làm, có thu nhập ổn định nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình thì "mức cấp dưỡng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con". Do vậy, bà D có yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng là có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng, ông S phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu D và ông Nguyễn Thiện Hữu S.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Thiện B, sinh ngày 10/01/2021 cho bà Nguyễn Thị Thu D trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Nguyễn Thiện Hữu S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ chậm cấp dưỡng: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm

trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí*:* Bà Nguyễn Thị Thu D phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 0013935 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ông S phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 - Tây Ninh
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tố Loan